

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THUỐC SẮT TRÙNG VIỆT NAM**

Số: 338/ CV-TST

V/v: Giải trình nguyên nhân biến động lợi
nhuận quý 2 năm 2023 so với cùng kỳ năm
trước.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Tên công ty: CTY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 102 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đakao, Q1, TP.HCM

Mã chứng khoán: VPS

Thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài
chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý 2 năm 2023 của Công
ty cổ phần Thuốc sắt trùng Việt Nam;

Chúng tôi xin giải trình về trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh
nghiệp chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm trước, như sau:

SỐ LIỆU BÁO CÁO RIÊNG

Stt	Chỉ tiêu	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Chênh lệch	
				Giá trị	% +/-
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.827.075.456	137.347.635.524	(5.520.560.068)	-4,0%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	7.733.395.363	8.044.915.457	(311.520.094)	-3,9%
3	Doanh thu thuần	124.093.680.093	129.302.720.067	(5.209.039.974)	-4,0%
4	Giá vốn hàng bán	88.666.046.056	94.272.699.701	(5.606.653.645)	-5,9%
5	Lợi nhuận gộp	35.427.634.037	35.030.020.366	397.613.671	1,1%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	866.814.404	4.492.083.994	(3.625.269.590)	-80,7%
7	Chi phí tài chính	3.963.816.834	3.151.874.682	811.942.152	25,8%
8	Chi phí bán hàng	18.934.396.230	18.483.332.323	451.063.907	2,4%
9	Chi phí quản lý	11.177.211.735	12.513.128.788	(1.335.917.053)	-10,7%
10	LN thuần từ HĐKD	2.219.023.642	5.373.768.567	(3.154.744.925)	-58,7%
11	Lợi nhuận khác	(5.352.826)	55.894.411	(61.247.237)	-109,6%
12	Tổng LN trước thuế	2.213.670.816	5.429.662.978	(3.215.992.162)	-59,2%
13	Tổng LN sau thuế	1.794.104.253	4.596.011.481	(2.801.907.228)	-61,0%



SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT

Stt	Chỉ tiêu	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Chênh lệch	
				Giá trị	% +/-
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.328.237.556	143.983.917.019	(4.655.679.463)	-3,2%
2	Các khoản giảm trừ DT	7.733.395.363	8.044.915.457	(311.520.094)	-3,9%
3	Doanh thu thuần	131.594.842.193	135.939.001.562	(4.344.159.369)	-3,2%
4	Giá vốn hàng bán	93.809.263.595	99.118.299.809	(5.309.036.214)	-5,4%
5	Lợi nhuận gộp	37.785.578.598	36.820.701.753	964.876.845	2,6%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.061.389.150	1.169.622.503	(108.233.353)	-9,3%
7	Chi phí tài chính	3.989.540.458	2.427.074.981	1.562.465.477	64,4%
8	Chi phí bán hàng	19.211.087.670	18.696.554.576	514.533.094	2,8%
9	Chi phí quản lý	12.515.772.604	13.746.201.484	(1.230.428.880)	-9,0%
10	LN thuần từ HĐKD	2.759.004.400	2.253.454.280	505.550.120	22,4%
11	Lợi nhuận khác	(5.352.826)	56.763.198	(62.116.024)	-109,4%
12	Tổng LN trước thuế	2.753.651.574	2.310.217.478	443.434.096	19,2%
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	621.075.238	1.097.090.197	(476.014.959)	-43,4%
14	Tổng LN sau thuế	2.132.576.336	1.213.127.281	919.449.055	75,8%

Thị trường thuốc bảo vệ thực vật quý 2/2023 tiêu thụ chậm, làm doanh thu báo cáo riêng và hợp nhất giảm so với cùng kỳ, đây là một trong những yếu tố chính ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh quý 2/2023 so với cùng kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện trên báo cáo riêng giảm thấp so với cùng kỳ do trong quý 2/2022 ghi nhận khoản lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư là 3.469.181.283 đồng.

Tuy nhiên trong quý 2/2023 chi phí sản xuất tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ hơn cùng với giá nguyên vật liệu đầu vào giảm làm cho giá vốn hàng bán trên báo cáo riêng và hợp nhất giảm khoản 1,4% so với cùng kỳ, giúp cho công ty đạt tỷ suất lợi nhuận 1,6%/ doanh thu (báo cáo riêng) và 2%/ doanh thu (báo cáo hợp nhất).

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thân